TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH J**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 422/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 19 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH J

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban THậu vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 295/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Lê Tuấn B,** sinh năm 1984; địa chỉ: 324/1 Điện BiênP, phường Trường O, thành phố H, tỉnh J

2. **Chị Đặng Thị Bạch Y**, sinh năm 1988; địa chỉ: 189 Phan Đình H, phường Phú N, thành phố H, tỉnh J.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Tuấn B** và chị **Đặng Thị Bạch Y** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh **Lê Tuấn B** và chị **Đặng Thị Bạch Y** xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là: Lê Huy Hoàng, sinh ngày 25/02/2015.

Anh B, chị Y thoả thuận: Giao con chung Lê Huy F cho chị Yến trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Anh **Lê Tuấn B** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Hoàng thành niên đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Lê Tuấn B** và chị **Đặng Thị Bạch Y** xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh **Lê Tuấn B** và chị **Đặng Thị Bạch Y** phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc Hôn nhân gia đình; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng mà anh Anh, chị Yến đã nộp đủ theo Biên lai số AA/2013/009973 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Tuấn B** và chị **Đặng Thị Bạch Y** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Lê Huy Hoàng, sinh ngày: 25/02/2015 cho chị Yến trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Anh **Lê Tuấn B** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Hoàng thành niên đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh B và chị Yxác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh B và chị Y xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Lê Tuấn B** và chị **Đặng Thị Bạch Y** phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc Hôn nhân gia đình; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000

đồng mà anh B chị Y đã nộp đủ theo Biên lai số AA/2013/009973 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP H
- TAND Tỉnh J;
- Chi cục THADS TPH;
- Các đương sự;
- UBND phường Phú N, TP H (ĐKKH số 62, ngày 10/10/2014);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thúc Mỹ